

PHONG BÌ THƯ	TCVN 1449 — 73
	Có hiệu lực từ 1-7-1974

Tiêu chuẩn này áp dụng cho những cơ sở sản xuất các loại phong bì thường và phong bì gửi máy bay.

1. KÍCH THƯỚC CƠ BẢN

1.1. Cần phải sản xuất phong bì theo những kích thước sau:

C_6 ($114 \times 162 \text{ mm}$);

C_5 ($162 \times 229 \text{ mm}$);

C_4 ($229 \times 324 \text{ mm}$).

Chú thích. Cho phép sản xuất phong bì thư dùng trong nước có kích thước $90 \times 150 \text{ mm}$.

1.2. Sai lệch về kích thước phong bì không được vượt quá $\pm 2 \text{ mm}$.

2. YÊU CẦU KỸ THUẬT

2.1. Phong bì không được để lộ nội dung thư ở bên trong. Để đảm bảo yêu cầu đó, phong bì thư có thể được in lót.

2.2. Giấy làm phong bì cỡ C_6 và cỡ $90 \times 150 \text{ mm}$ phải là loại giấy trắng hay giấy màu sáng, mịn và không bị nhòe.

2.3. Để sản xuất phong bì cỡ C_6 và cỡ $90 \times 150 \text{ mm}$, phải sử dụng giấy có khối lượng một mét vuông:

đối với phong bì thường... 50 — 70 g/m²

đối với phong bì gửi máy bay... 45 — 60 g/m².

2.4. Để sản xuất phong bì cỡ C_4 và C_5 , phải sử dụng giấy có khối lượng một mét vuông 90 — 130 g/m².

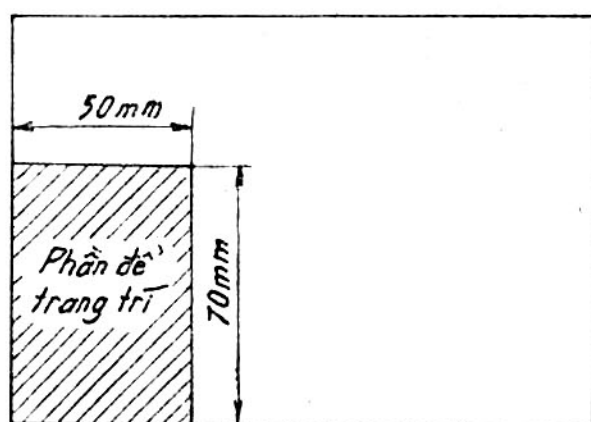
2.5. Góc phong bì phải vuông. Sai lệch đối với độ vuông góc về các phía không được lớn hơn $\pm 1 \text{ mm}$.

2.6. Mép phong bì phải thẳng và chổng lên mép dưới $10 \pm 2 \text{ mm}$.

2.7. Muốn trang trí phong bì thường cỡ C_6 và cỡ $90 \times 150 \text{ mm}$ có thể dành một diện tích không lớn hơn $50 \times 70 \text{ mm}$ ở góc trái phía dưới của mặt phải phong bì để vẽ (hình 1). Hình trang trí phải rõ, không bị nhòe.

Không quy định hình thức trình bày trên mặt phải phong bì cỡ C_4 và C_5 .

Cho phép sản xuất phong bì có những phần phụ (dấu hiệu, dấu có tính chất công vụ) do Tổng cục Bưu điện quy định.



Hình 1

2.8. Các hình vẽ trang trí phải được cơ quan có thẩm quyền duyệt.

2.9. Phong bì gửi máy bay phải có viền màu (hình 2). Màu của các vạch phải sẫm.

2.10. Tại góc trên hoặc góc dưới bên trái phong bì gửi máy bay phải có nhãn màu, có ghi « GỬI MÁY BAY — PAR AVION ».

Kích thước và vị trí của nhãn phải theo đúng chỉ dẫn trên hình 2 của tiêu chuẩn này.

3. PHƯƠNG PHÁP THỬ

3.1. Để kiểm tra chất lượng phong bì và cách bao gói, ghi nhãn theo yêu cầu của tiêu chuẩn này, người nhận hàng phải áp dụng quy tắc lấy mẫu và phương pháp thử nêu trong các điều 3.2 và 3.3.

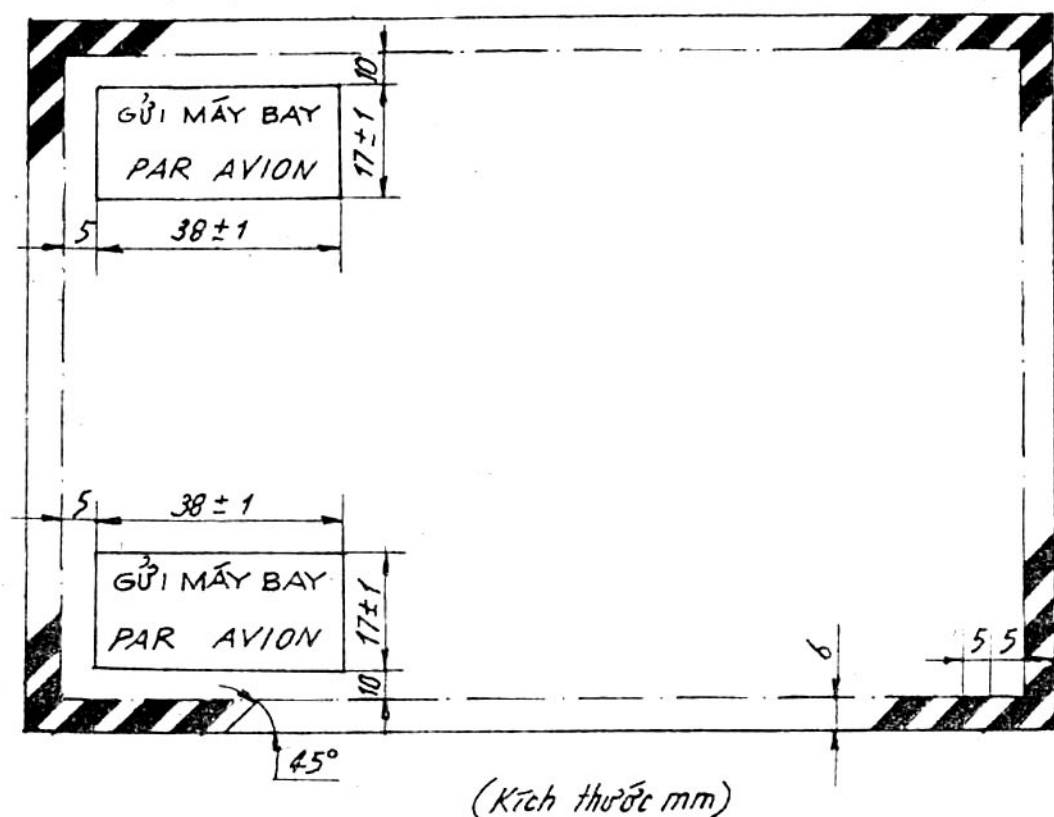
3.2. Để kiểm tra chất lượng phong bì, lấy 20% số gói của lô hàng, nhưng không được ít hơn 2 gói, từ mỗi gói lấy một tập, từ mỗi tập lấy 10 phong bì.

Phong bì cùng cỡ, cùng hình thức trình bày phải được xếp trong cùng 1 lô, nhưng không quá 10 000 chiếc.

Nếu phong bì ở mẫu đã lấy không đạt tiêu chuẩn này thì lấy mẫu lần 2 với số lượng gấp đôi (20%). Kết quả kiểm tra lần 2 là kết quả cuối cùng.

3.3. Kiểm tra kích thước bằng thước milimét có độ chính xác đến 0,5 mm hay bằng đũa.

3.4. Kiểm tra khối lượng một mét vuông giấy theo TCVN 1270 — 72.



Hình 2 .

3.5. Màu sắc hình dạng bên ngoài của phong bì kiểm tra bằng mắt thường.

4. BAO GÓI, GHI NHÃN, VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN

4.1. Xếp 100 chiếc phong bì vào một tập và dán một băng giấy bao lại. Xếp 5 tập vào một gói và gói bằng giấy dày gói hàng.

4.2. Trên mỗi gói phải ghi :

- tên hay dấu hiệu của cơ sở sản xuất ;
- địa chỉ của cơ sở sản xuất ;
- số lượng của phong bì trong một gói ;
- tháng và năm sản xuất ;
- số hiệu của tiêu chuẩn này.

4.3. Mỗi lò phong bì gửi đi cần kèm theo văn bản chứng nhận chất lượng lô hàng phù hợp với tiêu chuẩn này.

Trong văn bản cần ghi :

- tên hay dấu hiệu cơ sở sản xuất ;
- địa chỉ của cơ sở sản xuất ;
- tên lò hàng và tháng năm sản xuất ;
- số lượng phong bì trong lò ;
- số hiệu của tiêu chuẩn này.

4.4. Khi vận chuyển và bảo quản, phong bì phải được bảo vệ cẩn thận để đảm bảo không bị nhàu nát, rách, bẩn và ẩm ướt.
